

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2023/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 13 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chế độ thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu;

Thực hiện Kết luận Hội nghị lần thứ 35 Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 204-TB/TU ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Tỉnh ủy Cao Bằng;

Xét Tờ trình số 1499/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh

đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Triệu Đình Lê

QUY ĐỊNH

Chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (sau đây viết tắt là cơ quan, đơn vị) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng giai đoạn 2023 - 2026.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.
- Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý (có phụ cấp chức vụ) không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.
- Cán bộ chủ chốt cấp xã (Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân).
- Trưởng các đoàn thể cấp xã: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh.

Điều 3. Đối tượng không áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã thuộc đối tượng giải quyết chế độ theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ về tinh giản biên chế; Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

2. Những người chưa làm việc đủ thời gian cam kết với cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc khi được hưởng chính sách ưu đãi, thu hút của tỉnh.

3. Các đối tượng đang trong thời gian luân chuyển, biệt phái; đang bị xem xét kỷ luật; đang trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý có trình độ, chuyên ngành đào tạo mà cơ quan, đơn vị, địa phương đang thiếu, có kế hoạch tuyển dụng bổ sung.

5. Người làm việc trong các cơ quan thuộc ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, trong các doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp có vốn nhà nước, trong lực lượng vũ trang.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng

1. Các đối tượng quy định tại Điều 2 Quy định này được hưởng chính sách hỗ trợ khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 5 Quy định này.

2. Các trường hợp thôi việc ngoài được hỗ trợ theo Quy định này, được hưởng chế độ thôi việc theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Đối với cán bộ cấp xã là Ủy viên Ban Thường vụ cấp huyện thì thực hiện chính sách hỗ trợ như đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

4. Cán bộ cấp xã đồng thời thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết này và Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và bố trí công an chính quy đảm nhiệm chức danh trưởng công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, thì chỉ được áp dụng theo một chính sách có mức hưởng cao nhất.

Điều 5. Điều kiện hỗ trợ

1. Cá nhân có đơn tự nguyện và đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi do suy giảm khả năng lao động theo quy định hoặc có đơn tự nguyện thôi việc được cơ quan có thẩm quyền quản lý đồng ý bằng văn bản.

2. Điều kiện về thời gian công tác

a) Các đối tượng quy định tại Điều 2 Quy định này còn thời gian công tác từ 12 tháng đến 60 tháng tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định cho nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc đến tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu.

b) Có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ 20 năm trở lên tính đến thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định cho nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc.

Điều 6. Chính sách nghỉ hưu trước tuổi

Trường hợp đủ điều kiện để hưởng lương hưu khi suy giảm khả năng lao động theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội được hưởng các hỗ trợ sau:

1. Hỗ trợ 02 tháng tiền lương (*quy định tại Điều 9 Quy định này*) cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu thực tế quy định tại Bộ luật Lao động năm 2019 và Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu;

2. Hỗ trợ thêm 02 tháng tiền lương (*quy định tại Điều 9 Quy định này*) cho tổng số 20 năm đầu công tác có đóng Bảo hiểm xã hội, từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác được hỗ trợ 1/2 tháng tiền lương;

3. Hỗ trợ phần chênh lệch lương hưu bị giảm tỷ lệ % do nghỉ hưu trước tuổi, theo công thức tính sau:

Số tiền hỗ trợ = (*Mức bình quân tiền lương tháng đóng Bảo hiểm xã hội*) x (*tỷ lệ % lương hưu bị trừ*) x 12 tháng x 20 năm.

Điều 7. Chính sách thôi việc

Trường hợp thôi việc được hưởng các khoản hỗ trợ sau:

1. Được hỗ trợ 03 tháng tiền lương hiện hưởng (*tiền lương tháng liền kề trước khi thôi việc*);

2. Được hỗ trợ 1/2 tháng tiền lương (*quy định tại Điều 9 Quy định này*) cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

Điều 8. Tổng mức hỗ trợ tối đa

1. Tổng mức hỗ trợ cho mỗi trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 2 không vượt quá 350 triệu đồng/người.

2. Tổng mức hỗ trợ cho mỗi trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 2 không vượt quá 280 triệu đồng/người.

3. Tổng mức hỗ trợ cho mỗi trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 2 không vượt quá 220 triệu đồng/người.

4. Tổng mức hỗ trợ cho mỗi trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 2 không vượt quá 150 triệu đồng/người.

Điều 9. Cách tính tiền lương và xác định thời gian

1. Cách tính tiền lương tháng như sau

a) Tiền lương tháng quy định tại Nghị quyết này được tính bao gồm: Tiền lương theo ngạch, bậc hoặc theo chức danh nghề nghiệp hoặc theo bảng lương; các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề (*nếu có*) và mức chênh lệch bảo lưu (*nếu có*) theo quy định của pháp luật.

b) Tiền lương tháng để tính hỗ trợ quy định khoản 1, khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7 của Quy định này được tính bình quân tiền lương tháng của 5 năm cuối (*60 tháng*) trước khi nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc.

2. Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy định này và cách xác định thời gian nghỉ hưu trước tuổi hoặc thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội có số tháng lẻ không đủ năm được tính theo quy định hiện hành.

Điều 10. Kinh phí thực hiện

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Kinh phí thực hiện chính sách từ nguồn tài chính của đơn vị.

2. Đối với các cơ quan hành chính của Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên: Kinh phí thực hiện chính sách từ nguồn ngân sách cấp theo phân cấp ngân sách hiện hành./.